

MARKET INSIGHTS REPORTS

11.03.2025

TTCK VIỆT NAM ĐI NGƯỢC TTCK MỸ
THEO CHIỀU HƯỚNG TÍCH CỰC



NỘI DUNG CHÍNH

- 03 - 04** CHUYỂN ĐỘNG THỊ TRƯỜNG
- 05** TTCK VIỆT NAM – GÓC NHÌN GIAO DỊCH THỊ TRƯỜNG
- 06** PHÂN TÍCH KỸ THUẬT
Sẽ có nhịp chỉnh ngắn hạn khi vào vùng quá mua ?
- 07** HỖ TRỢ VÀ KHÁNG CỰ CỔ PHIẾU TRONG NGÀY
- 07** CỔ PHIẾU CÓ KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH ĐỘT BIẾN
- 08** DANH MỤC KHUYẾN NGHỊ MUA BÁN CỦA SMART INVEST
- 08** TIN TỨC KINH TẾ VĨ MÔ
- 09** BIỂU ĐỒ TRONG NGÀY
Trump 2.0 và Trump 1.0 khác nhau như nào ?
Năm thứ 3 của chu kỳ tăng giá tại TTCK thường khó khăn
- 10** TTCK MỸ
Dự báo các chỉ số chính sẽ giảm điểm vào phiên giao dịch tới nay.

CHUYỂN ĐỘNG THỊ TRƯỜNG

THỊ TRƯỜNG TRONG NGÀY



ĐỘ RỘNG THỊ TRƯỜNG

HOSE

Tổng số cổ phiếu giao dịch	544
Số cổ phiếu không có giao dịch	0
Số cổ phiếu tăng giá	231
Số cổ phiếu giảm giá	247
Số cổ phiếu giữ nguyên giá	66

HNX

Tổng số cổ phiếu giao dịch	231
Số cổ phiếu không có giao dịch	0
Số cổ phiếu tăng giá	66
Số cổ phiếu giảm giá	95
Số cổ phiếu giữ nguyên giá	70

UPCOM

Tổng số cổ phiếu giao dịch	384
Số cổ phiếu không có giao dịch	0
Số cổ phiếu tăng giá	151
Số cổ phiếu giảm giá	134
Số cổ phiếu giữ nguyên giá	99

GIAO DỊCH NHÀ ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI

HOSE

	Mua	Bán	Mua-Bán
Khối lượng	62,588.95	66,381.01	(3,792.06)
% KL toàn thị trường	6.71%	7.11%	
Giá trị	1,955,250	2,172,546	(217,297)
% GT toàn thị trường	9.14%	10.16%	

HNX

	Mua	Bán	Mua-Bán
Khối lượng	6,069.58	2,357.50	3,712.08
% KL toàn thị trường	6.71%	7.11%	
Giá trị	111,110	73,831	37,279
% GT toàn thị trường	9.24%	6.14%	

UPCOM

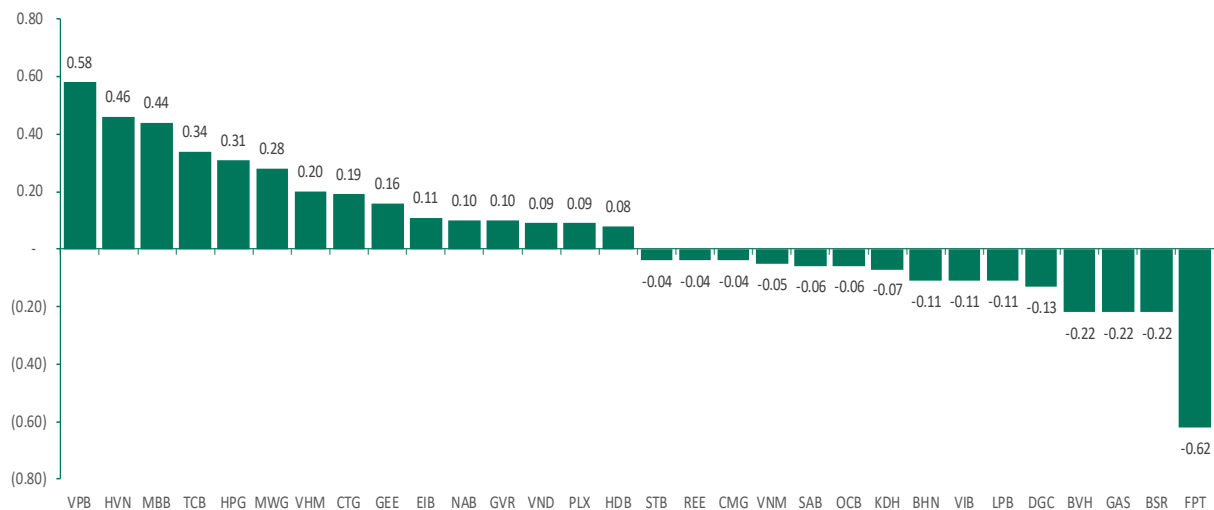
	Mua	Bán	Mua-Bán
Khối lượng	126.45	671.00	(544.55)
% KL toàn thị trường	0.26%	1.39%	
Giá trị	6,768	31,990	(25,221)
% GT toàn thị trường	1.05%	4.98%	

CHUYỂN ĐỘNG THỊ TRƯỜNG

TOP 10 VỐN HÓA

STT	Mã CK	KL	Giá	Thay đổi	P/E	P/B	EPS	Vốn hóa
1	VCB	3,640,200	96,800	0 (0%)	15.99	2.72	6,053	541,024
2	BID	3,352,200	41,400	0 (0%)	9.57	1.63	4,326	290,684
3	CTG	6,943,500	42,600	150 (0.35%)	9.03	1.53	4,719	228,762
4	FPT	5,784,400	137,500	-1,800 (-1.29%)	24.14	5.65	5,697	202,272
5	TCB	15,313,400	28,000	200 (0.72%)	6.80	1.34	4,116	197,816
6	VHM	12,103,400	45,500	200 (0.44%)	6.34	0.85	7,176	186,887
7	VIC	5,692,400	47,300	0 (0%)	15.48	1.18	3,055	180,859
8	HPG	26,088,500	28,150	200 (0.72%)	14.43	1.57	1,951	180,054
9	GAS	523,600	67,400	-400 (-0.59%)	14.97	2.56	4,502	157,896
10	VPB	37,545,200	19,700	300 (1.55%)	9.91	1.06	1,988	156,298

TỔP CÁC CỔ PHIẾU ẢNH HƯỞNG TỚI VN-INDEX



TĂNG GIẢM CHỈ SỐ NGÀNH

Ngành	% Index (D)	% Index (YTD)	Số mã
Tất cả	+0.06%	+5.08%	1,598
▼ Tài chính	+0.25%	+8.30%	104
▶ Tổ chức tín dụng	+0.27%	+8.05%	29
▶ Dịch vụ tài chính	+0.64%	+10.60%	62
▶ Bảo hiểm	-1.59%	+8.08%	13
▶ Bất động sản	+0.39%	+9.92%	142
▼ Công nghiệp	+0.22%	+3.39%	387
▶ Vận tải	+0.23%	+0.44%	132
▶ Tư liệu sản xuất	+0.27%	+10.24%	211
▶ Dịch vụ chuyên biệt và thương mại	-0.31%	+15.09%	44
▶ Nguyên vật liệu	+0.30%	+11.34%	260
▼ Tiêu dùng thiết yếu	-0.35%	-3.56%	163
▶ Thực phẩm, đồ uống và thuốc lá	-0.35%	-3.51%	156
▶ Đồ gia dụng và cá nhân	+0.52%	+1.49%	6
▶ Tiện ích	-0.32%	+0.95%	149
▼ Tiêu dùng không thiết yếu	+0.81%	+8.35%	261
▶ Phân phối và bán lẻ hàng lâu bền	+0.89%	+5.64%	124
▶ Hàng tiêu dùng và trang trí	+0.86%	+17.39%	93
▶ Dịch vụ tiêu dùng	-0.64%	+0.79%	32
▶ Xe và linh kiện	-0.84%	+0.36%	12
▼ Viễn thông	-1.74%	-9.16%	48
▶ Viễn thông	-1.85%	-9.66%	22
▶ Truyền thông giải trí	+0.68%	+2.30%	26
▼ Công nghệ thông tin	-1.31%	-9.84%	14
▶ Phần mềm	-1.31%	-9.87%	7
▶ Phần cứng	0%	-2.09%	5
▶ Bán dẫn	0%	+6.58%	2
▶ Năng lượng	-1.15%	-8.61%	21
▼ Chăm sóc sức khỏe	+0.35%	+2.02%	49
▶ Dược phẩm - sinh học	+0.34%	+1.96%	44
▶ Chăm sóc sức khỏe	+0.51%	+3.07%	5

Góc nhìn giao dịch thị trường

Chỉ số VN-Index đóng cửa tăng 2.26 (+ 0.17%) trong ngày hôm nay. Hôm nay có vài điểm đáng lưu ý như sau:

(1) Phân phối bán lẻ hàng lâu bền, hàng tiêu dùng và trang trí, truyền thông giải trí, dịch vụ tài chính, đồ gia dụng và cá nhân, chăm sóc sức khỏe, bất động sản, dược phẩm và sinh học, nguyên vật liệu, tư liệu sản xuất, vận tải... là nhóm tăng giá nhiều nhất trong ngày. Đà tăng được dẫn dắt bởi các cổ như MWG, DGW, PLX, OIL, FRT, GEE, MSH, GIL, VNZ, YEG, VNB, SSI, VCI, VND, HCM, VIX, FTS, BSI, LIX, NET, XPH, TNH, DC4, VHM, KBC, NVL, SIP, DXG, DIG, DHG, DVN, DHT, HPG, MSR, HSG, NKG, DPM, VCG, CTD, PC1... Các điểm cần lưu ý ở những nhóm ngành này:

(i) MWG tăng giá trong ngày:

- ✓ Mẫu hình nền giao dịch là: “White Closing Marubozu”;
- ✓ Giá tăng khối lượng tăng – Tín hiệu tăng giá có sự hỗ trợ bởi khối lượng;
- ✓ Sóng 3 tăng giá có kháng cự là 68 – 71;
- ✓ Khối ngoại mua ròng hỗ trợ đẩy giá cổ phiếu;
- ✓ Q1/2025, ước tính MWG có thể lãi trong khoảng 1,200 – 1,400 tỷ đồng;
- ✓ Xác suất tăng giá ngày mai là 56%;

(ii) DGW tăng giá trong ngày:

- ✓ Mẫu hình nền giao dịch là: “Long White Candle”;
- ✓ Giá tăng khối lượng tăng – Tín hiệu tăng giá có sự hỗ trợ bởi khối lượng;
- ✓ Giá vượt kháng cự động 41 của MA(200) và vượt qua giới hạn đỉnh C của sóng đối kháng 4 – Đây là tín hiệu tích cực cho thấy cổ phiếu đã chuyển từ mô hình giá xuống sang tăng giá – NĐT có thể canh mua khi cổ phiếu này kiểm tra vùng kháng cự nay là vùng hỗ trợ;
- ✓ Xác suất giảm giá ngày mai là 52%;

(iii) VCI tăng giá trong ngày:

- ✓ Mẫu hình nền giao dịch là: “Long White Candle”;
- ✓ Giá tăng khối lượng giảm – Tín hiệu tăng giá không có sự hỗ trợ bởi khối lượng;
- ✓ VCI đang vùng quá mua và có khả năng xuất hiện sóng đối kháng giảm giá;
- ✓ Hỗ trợ hiện tại quanh vùng giá 37 và hỗ trợ xa hơn là vùng giá 35 cho nhịp tái tích lũy;
- ✓ Xác suất giảm giá ngày mai là 53%;

(iv) DC4 tăng giá trong ngày:

- ✓ Mẫu hình nền giao dịch là: “White Closing Marubozu”;
- ✓ Giá tăng khối lượng tăng – Tín hiệu tăng giá có sự hỗ trợ bởi khối lượng;
- ✓ Mô hình Rally – Base – Rally – Tín hiệu tích cực;
- ✓ Chúng tôi thấy một Fair Value Gap xuất hiện trên đồ thị DC4 hôm nay;

- ✓ DC4 là cổ phiếu tiềm năng với hiệu suất sinh lời cao mà chúng tôi khuyến khích đầu tư trong giai đoạn hiện tại với cổ tức tiền mặt tối thiểu 10% (Tối đa 25%) và EPS²⁰²⁵ = 3,000 đ nhờ bản giao dự án Vung Tau Centrel Point;
- ✓ Xác suất tăng giá ngày mai là 63%;

(2) Viễn thông, bảo hiểm, phần mềm, năng lượng, xe và linh kiện, dịch vụ tiêu dùng, thực phẩm đồ uống và thuốc lá... là nhóm giảm giá nhiều nhất trong ngày. Đà giảm được dẫn dắt bởi các cổ phiếu VGI, FOX, CTR, BVH, PVI, BIC, MIG, FPT, CMG, PVS, PVD, PVC, DRC, CSM, VNG, NVT, DSN, VNM, MCH, SAB, QNS, VHC, ... Các điểm cần lưu ý ở những nhóm ngành này:

(i) CTR giảm giá trong ngày:

- ✓ Mẫu hình nền giao dịch là: “Black Candle”;
- ✓ Giá giảm khối lượng tăng – Tín hiệu giảm giá có sự hỗ trợ bởi khối lượng;
- ✓ Cổ phiếu hiện ít được nhà đầu tư quan tâm và đang giao dịch ở khu vực định giá thấp. Vùng mua lý tưởng của cổ phiếu này quanh vùng giá 100;
- ✓ Xác suất giảm giá ngày mai là 58%;

(ii) CMG giảm giá trong ngày:

- ✓ Mẫu hình nền giao dịch là: “Small White Candle”;
- ✓ Giá giảm khối lượng tăng – Tín hiệu giảm giá có sự hỗ trợ bởi khối lượng;
- ✓ Dải băng dưới mở ra hỗ trợ giá xuống – Tín hiệu tiêu cực;
- ✓ Giá thiết lập mốc thấp mới – Tín hiệu tiêu cực;
- ✓ Xác suất giảm giá ngày mai là 63%;

(iii) CSM giảm giá trong ngày:

- ✓ Mẫu hình nền giao dịch là: “Small Black Candle”;
- ✓ Giá giảm khối lượng giảm – Tín hiệu giảm giá không có sự hỗ trợ bởi khối lượng;
- ✓ Phân kỳ dương cảnh báo sự đảo chiều của giá và RSI(14) – Tín hiệu tích cực;
- ✓ Hỗ trợ mạnh hiện tại là vùng giá 14 – NĐT nên mua vào cổ phiếu này ở khu vực hiện tại;
- ✓ Xác suất giảm giá ngày mai là 60%;

(iv) VHC giảm giá trong ngày:

- ✓ Mẫu hình nền giao dịch là: “Gap Down”;
- ✓ Giá giảm khối lượng giảm – Tín hiệu giảm giá không có sự hỗ trợ bởi khối lượng;
- ✓ Cổ phiếu vẫn đi ngang trong khu vực 65 – 73;
- ✓ Dải băng dưới mở ra hỗ trợ giá xuống – Tín hiệu tiêu cực;
- ✓ Chúng tôi lưu ý xuất khẩu cá tra 2 tháng đầu năm đang tăng trưởng âm khoảng 20% không phải là tin tức tốt hỗ trợ đà tăng giá của cổ phiếu;
- ✓ Xác suất giảm giá ngày mai là 75%;

PHÂN TÍCH KỸ THUẬT: Sẽ có nhịp chỉnh ngắn hạn khi vào vùng quá mua ?

VN-Index dưới góc nhìn kỹ thuật

VN-Index đóng cửa giao dịch tạo thành mẫu hình giao dịch “White Closing Marubozu”. Khối lượng giao dịch giảm nhưng vẫn nằm trên mức trung bình 20 ngày. Theo lý thuyết, thì giá tăng khối lượng giao dịch giảm không phải là mô hình tăng giá có sự hỗ trợ của khối lượng – Tín hiệu không quá tích cực.

Các điểm cần lưu ý:

(i) NĐT nước ngoài hơn ròng hơn 200 tỷ đồng (Tính cả 3 sản). Tốp mua ròng khớp lệnh của nước ngoài gồm các mã: VHM, EIB, SHS, CTG, MWG, DXG, DBC, VIX, VIC, VCI, SIP... Tốp bán ròng khớp lệnh của nước ngoài gồm các mã: MSN, FPT, DGC, VIX, KDH, VND, PHR, SAB, FRT, SHB... Như vậy, khối ngoại vẫn tiếp tục chuỗi bán ròng chưa có điểm dừng trong giai đoạn vừa qua.

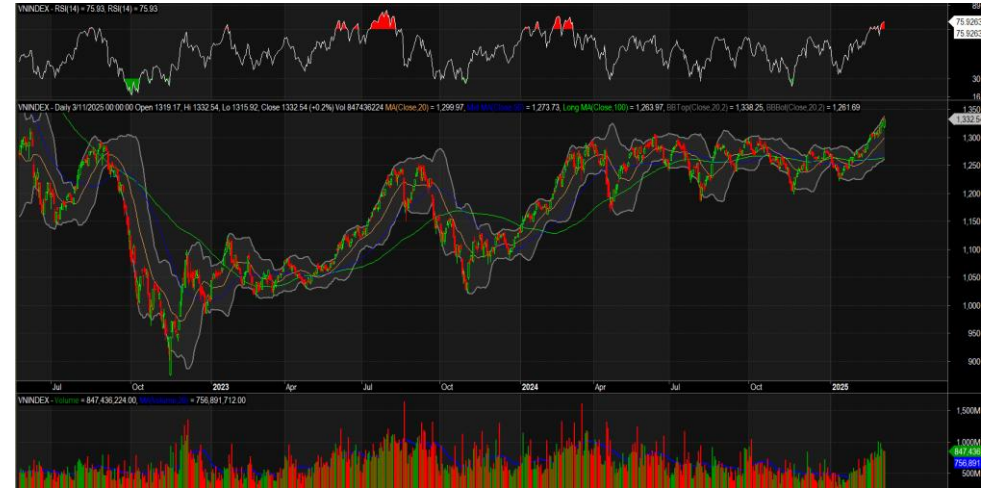
(ii) Chỉ số đang đi vào khu vực kháng cự mạnh 1,230 – 1,250 điểm và với việc RSI(14) đang ở vùng quá mua, một sự điều chỉnh tiềm năng có thể diễn ra tại khu vực này. Một sự điều chỉnh tại khu vực này theo chúng tôi là cần thiết. Tuy nhiên, trong một xu hướng tăng giá, về cơ bản quá mua chỉ là những điều chỉnh giúp NĐT tái cấu trúc danh mục chứ không có gì quá đáng lo ngại cũng tương tự trong giai đoạn thị trường giá xuống, thì quá bán luôn có nhịp phục hồi.

(iii) Về dòng tiền, chúng tôi thấy dòng tiền đang tập trung vào nhóm phân phối bán lẻ hàng lâu bền với kỳ vọng mức lãi Q1/2025 của MWG sẽ có mức tăng trưởng 20% nhờ nỗ lực tái cấu trúc của công ty trong giai đoạn vừa qua. Ngoài ra, chúng tôi thấy nhóm đầu tư công sau chuỗi đi ngang đang có nỗ lực phá đỉnh thiết lập mốc cao mới. Đây là những tín hiệu tích cực cần thiết.

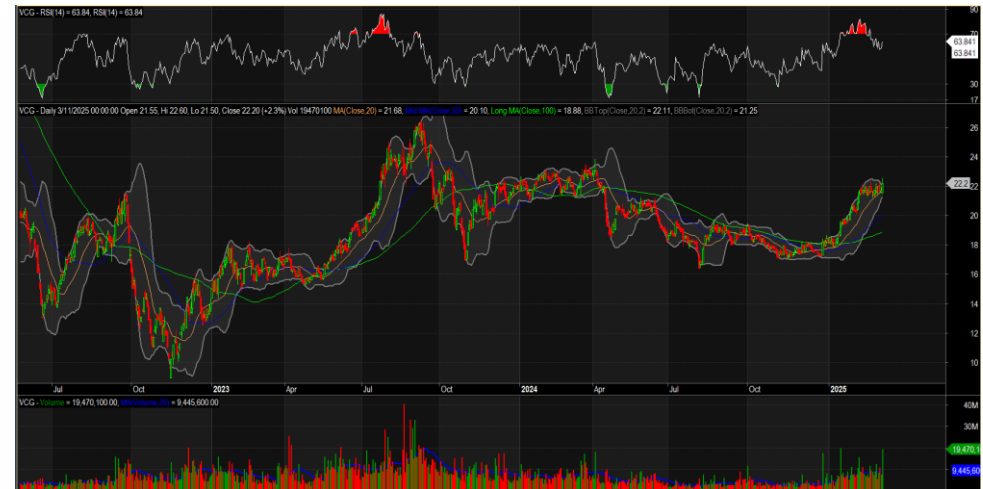
Theo phương pháp phân tích “Price Action” với VN30 chúng ta có 14 mã cho tín hiệu mua, 04 mã cho tín hiệu bán, 12 mã cho tín hiệu đi ngang. BCM, VPB, VJC, CTG ... cho tín hiệu tích cực.

Theo thống kê định lượng, với mẫu hình hôm nay thì phiên giao dịch tiếp theo, VN-Index có xác suất tăng điểm là 50% và 100% giá đóng cửa cao hơn giá mở cửa. Dựa trên thống kê, chỉ số giao dịch không rõ tăng hay giảm điểm với giá đóng cửa cao hơn giá mở cửa vào phiên giao dịch ngày thứ 4. Hỗ trợ là 1,300 điểm và kháng cự là 1,350 điểm.

Biểu đồ chỉ số VN-Index



Biểu đồ cổ phiếu VCG



HỖ TRỢ VÀ KHÁNG CỰ CỔ PHIẾU TRONG NGÀY

Ticker	Pivot	BC	TC	NarrowRange	R1	R2	R3	R4	S1	S2	S3	S4
HNX30	500.58	498.88	502.28	NO	507.38	510.78	517.58	520.98	497.18	490.38	486.98	480.18
HNXINDEX	239.53	239.01	240.06	NO	241.63	242.68	244.78	245.83	238.48	236.38	235.33	233.23
UPIINDEX	99.08	98.93	99.24	NO	99.72	100.03	100.67	100.98	98.77	98.13	97.82	97.18
VN30	1387.53	1384.5	1390.55	NO	1399.61	1405.66	1417.74	1423.79	1381.48	1369.4	1363.35	1351.27
VNINDEX	1327	1324.23	1329.77	NO	1338.08	1343.62	1354.7	1360.24	1321.46	1310.38	1304.84	1293.76
VNXALL	2200.28	2195.41	2205.14	NO	2219.74	2229.48	2248.94	2258.68	2190.54	2171.08	2161.34	2141.88
VN30F1M	1386.5	1383.75	1389.25	NO	1397.5	1403	1414	1419.5	1381	1370	1364.5	1353.5
VN30F1Q	1380.4	1377.65	1383.15	NO	1391.7	1397.5	1408.8	1414.6	1374.6	1363.3	1357.5	1346.2
VN30F2M	1385	1382.5	1387.5	NO	1395	1400	1410	1415	1380	1370	1365	1355
VN30F2Q	1381.43	1379.35	1383.52	NO	1389.77	1393.93	1402.27	1406.43	1377.27	1368.93	1364.77	1356.43
BCM	80.67	80.9	80.43	NO	81.73	83.27	84.33	85.87	79.13	78.07	76.53	75.47
ACB	26.33	26.28	26.39	NO	26.57	26.68	26.92	27.03	26.22	25.98	25.87	25.63
BID	41.18	41.08	41.29	NO	41.62	41.83	42.27	42.48	40.97	40.53	40.32	39.88
BVH	55.3	55.5	55.1	NO	56.1	57.3	58.1	59.3	54.1	53.3	52.1	51.3
CTG	42.33	42.2	42.47	NO	42.87	43.13	43.67	43.93	42.07	41.53	41.27	40.73
FPT	137.67	137.75	137.58	YES	138.33	139.17	139.83	140.67	136.83	136.17	135.33	134.67
GAS	67.37	67.35	67.38	YES	67.73	68.07	68.43	68.77	67.03	66.67	66.33	65.97
GVR	33.05	32.88	33.22	NO	33.8	34.2	34.95	35.35	32.65	31.9	31.5	30.75
HDB	23.63	23.55	23.72	NO	23.97	24.13	24.47	24.63	23.47	23.13	22.97	22.63
HPG	27.97	27.88	28.06	NO	28.33	28.52	28.88	29.07	27.78	27.42	27.23	26.87
LPB	34.55	34.5	34.6	NO	35	35.35	35.8	36.15	34.2	33.75	33.4	32.95
MBB	24.58	24.47	24.69	NO	25.02	25.23	25.67	25.88	24.37	23.93	23.72	23.28
MSN	68.63	68.5	68.77	NO	69.17	69.43	69.97	70.23	68.37	67.83	67.57	67.03
PLX	43	42.85	43.15	NO	43.6	43.9	44.5	44.8	42.7	42.1	41.8	41.2
MWG	62.53	62.3	62.77	NO	63.67	64.33	65.47	66.13	61.87	60.73	60.07	58.93
SAB	51.17	51.15	51.18	YES	51.43	51.67	51.93	52.17	50.93	50.67	50.43	50.17
SSB	19.68	19.63	19.74	NO	19.92	20.03	20.27	20.38	19.57	19.33	19.22	18.98
SSI	26.58	26.53	26.64	NO	26.82	26.93	27.17	27.28	26.47	26.23	26.12	25.88
TCB	27.82	27.73	27.91	NO	28.18	28.37	28.73	28.92	27.63	27.27	27.08	26.72
STB	39.73	39.65	39.82	NO	40.07	40.23	40.57	40.73	39.57	39.23	39.07	38.73
TPB	16.18	16.15	16.22	NO	16.32	16.38	16.52	16.58	16.12	15.98	15.92	15.78
VHM	45.08	44.88	45.29	NO	45.97	46.43	47.32	47.78	44.62	43.73	43.27	42.38
VCB	96.4	96.2	96.6	NO	97.2	97.6	98.4	98.8	96	95.2	94.8	94
VIB	20.8	20.8	20.8	YES	20.9	21	21.1	21.2	20.7	20.6	20.5	20.4
VJC	97.5	97.4	97.6	NO	98.2	98.7	99.4	99.9	97	96.3	95.8	95.1
VIC	47.03	46.9	47.17	NO	47.57	47.83	48.37	48.63	46.77	46.23	45.97	45.43
VPB	19.55	19.48	19.63	NO	19.9	20.1	20.45	20.65	19.35	19	18.8	18.45
VNM	62.33	62.3	62.37	YES	62.57	62.73	62.97	63.13	62.17	61.93	61.77	61.53
VRE	18.05	17.98	18.13	NO	18.4	18.6	18.95	19.15	17.85	17.5	17.3	16.95
VRE	17.1	17.05	17.15	NO	17.3	17.4	17.6	17.7	17	16.8	16.7	16.5

- Resistance và Support: Là các hỗ trợ và kháng cự trong ngày của cổ phiếu. Nhà đầu tư khi mua bán thì cần theo các vùng giá hỗ trợ hay kháng cự.
- Pivot: Là nơi xác nhận xu hướng đảo chiều của cổ phiếu.

CỔ PHIẾU CÓ KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH ĐỘT BIẾN

Ticker	Volume	AvgVolume 10 Days	Change %	Daily Returns %
VPB	37,545,200	16,440,870	228	1.55
HHV	22,826,400	8,699,710	262	1.15
VCG	19,470,100	9,025,200	216	2.3
IJC	7,054,600	3,280,410	215.05	2.28
PSH	5,145,100	639,090	805	-6.84
PAN	4,528,300	1,349,490	336	-3.07
HVN	4,188,100	1,320,600	317.14	2.99
CTI	2,429,400	1,156,440	210	6.94
HTN	1,961,900	703,870	279	6.7
FUEVFNVD	1,728,600	791,440	218.41	-0.36
NHH	978,600	107,220	913	6.82
APG	941,100	320,110	294	5.07
PLC	879,300	301,580	292	3.11
VPG	793,000	324,160	245	3.25
NO1	769,700	244,900	314.29	0.24
FIR	618,400	209,790	295	0.72
QNS	590,600	268,870	220	-0.4
TCL	578,000	240,490	240	6.78
SSG	392,900	20,680	1,900	14.51
VTR	281,300	18,960	1483.65	2.75
TAL	252,800	122,420	207	-0.41
PTC	221,600	67,810	327	6.82
HCD	214,600	66,500	323	0
VAF	173,000	160	108,125	6.55
ACC	166,400	45,330	367.09	0.69
UDJ	140,400	41,840	336	2.22
DID	122,100	38,030	321	2.22
VBB	107,000	43,790	244	2.15
HMC	84,600	25,820	328	4
HTG	82,100	31,120	264	-1.01
KMR	79,800	15,550	513	0
VE8	73,600	18,230	404	8.89
WSS	66,600	16,170	412	0
KGM	66,400	11,750	565	-1.47
NBE	64,400	30,860	209	-3.27
PGV	50,400	16,510	305	-0.25
KDM	48,200	13,950	346	0.64
VSM	40,200	5,770	697	0
PPY	38,000	16,830	226	-2.17
BWS	34,300	9,890	347	-0.87

- Lưu ý: VPB, HHV...có khối lượng giao dịch đột biến lớn

DANH MỤC KHUYẾN NGHỊ MUA BÁN CỦA SMART INVEST

Ngày khuyến nghị	Mã CK	Khuyến nghị hành động	Giá mua/bán	Hiệu suất sinh lời	Ghi chú
10-Mar	MSH	Mua thêm	≤ 57	10% -20%	Đang hình thành sóng 4 giảm giá - Cổ phiếu thích hợp đầu tư dài hạn

Các lưu ý cần chú ý:

- Hôm nay chúng tôi **KHÔNG MỞ MUA CỔ PHIẾU MỚI**;

Tin tức kinh tế, vĩ mô

- Thị trường ngoại tệ:** Phiên 10/03, NHNN niêm yết tỷ giá trung tâm ở mức 24.754 VND/USD, tăng mạnh 24 đồng so với phiên cuối tuần trước. Tỷ giá mua giao ngay được niêm yết ở mức 23.567 VND/USD, cao hơn 50 đồng so với tỷ giá sàn; tỷ giá bán giao ngay được niêm yết ở mức 25.941 VND/USD, thấp hơn 50 đồng so với tỷ giá trần. Trên thị trường LNH, tỷ giá chốt phiên với mức 25.511 VND/USD, tăng nhẹ 03 đồng so với phiên 07/03. Tỷ giá trên thị trường tự do giữ nguyên ở chiều mua vào trong khi tăng 10 đồng ở chiều bán ra, giao dịch tại 25.710 VND/USD và 25.820 VND/USD.
- Thị trường tiền tệ LNH:** Ngày 10/03, lãi suất chào bình quân LNH VND tăng 0,10 - 0,23 đpt ở tất cả các kỳ hạn từ 1M trở xuống so với phiên cuối tuần trước, cụ thể: ON 4,15%; 1W 4,32%; 2W 4,37% và 1M 4,53%. Lãi suất chào bình quân LNH USD giảm 0,01 đpt ở các kỳ hạn ON và 2W trong khi đi ngang ở các kỳ hạn còn lại, giao dịch tại: ON 4,30%; 1W 4,37%; 2W 4,41%, 1M 4,48%. Lợi suất TPCP trên thị trường thứ cấp biến động nhẹ trái chiều, chốt phiên với mức: 3Y 2,16%; 5Y 2,32%; 7Y 2,69%; 10Y 2,96%; 15Y 3,14%.
- Nghiệp vụ thị trường mở:** Trên kênh cầm cố, NHNN chào thầu 20.000 tỷ đồng kỳ hạn 7 ngày, 10.000 tỷ đồng ở kỳ hạn 35 ngày và 5.000 tỷ đồng ở kỳ hạn 91 ngày, lãi suất đều ở mức 4,0%. Có 16.202,96 tỷ đồng trúng thầu ở kỳ hạn 7 ngày, không có khối lượng trúng thầu ở hai kỳ hạn còn lại; không có khối lượng đáo hạn. NHNN không chào thầu tín phiếu NHNN; có 1.000 tỷ đồng đáo hạn. Như vậy, NHNN bơm ròng 17.202,96 tỷ đồng ra thị trường thông qua nghiệp vụ thị trường mở phiên hôm qua. Có 80.015,81 tỷ đồng lưu hành trên kênh cầm cố; có 999,8 tỷ đồng tín phiếu lưu hành trên thị trường.

Cách thức chốt lời và dừng lỗ

- Các mã trong danh mục chúng tôi khuyến nghị khi đạt hiệu suất sinh lời kỳ vọng nhà đầu tư có thể chốt lời hoặc đặt Trailing Stop (Các lệnh duy trì mức lãi mong muốn để đảm bảo tỷ lãi khi thị trường đảo chiều sau khi đã có lãi đạt kỳ vọng và để tài khoản nuôi lãi chạy).

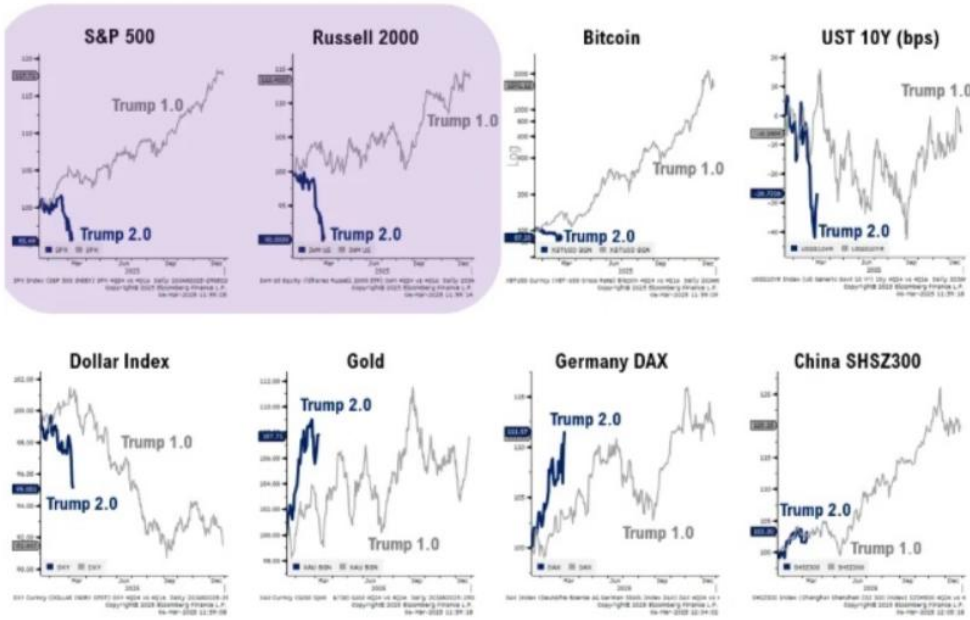
Nguyên tắc dừng lỗ. Nhà đầu tư có thể lựa chọn các nguyên tắc dừng lỗ sau tùy theo quan điểm lựa chọn:

- Đặt mức dừng lỗ bằng ½ mức lợi nhuận trung bình mà mình kiếm được hàng năm;
- Đặt mức dừng lỗ theo điểm “Uncle”: Ngưỡng mà bản thân không thể chịu đựng được;
- Đặt mức dừng lỗ 10% ;



Trump 2.0 và Trump 1.0 khác nhau như nào ?

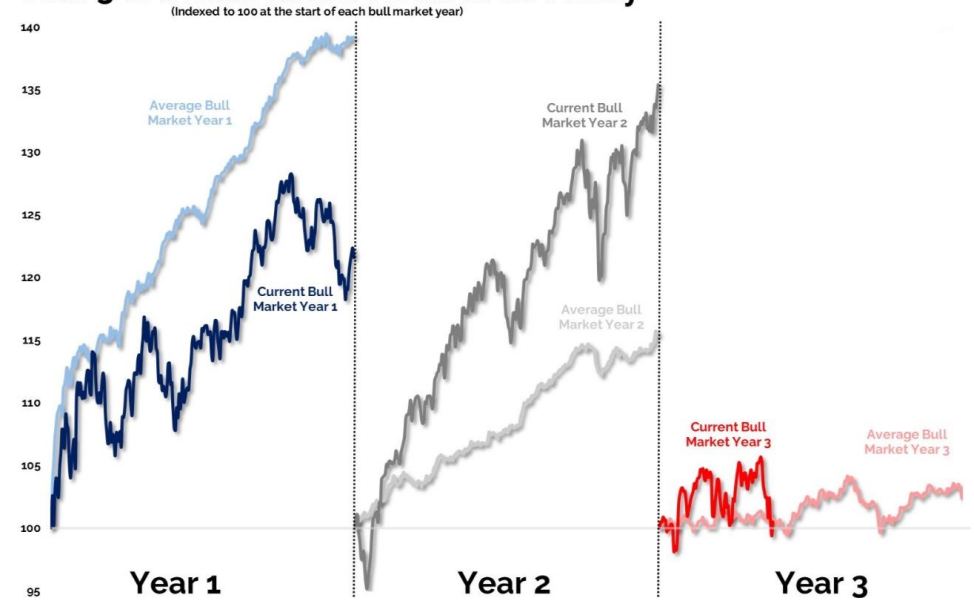
Multi-asset price trajectory since Trump took the office
2017 vs 2025, Both series rebased to Jan 20 of each year



Source: Fundstrat, Bloomberg

Năm thứ 3 của chu kỳ tăng giá tại TTCK thường khó khăn

Year 3 of a Bull Market Tends to be Messy





GS đang thử thách ngưỡng hỗ trợ động MA(200)



S&P 500 sẽ có nhịp điều chỉnh mạnh trong năm nay



Ngành bán dẫn xuất hiện điểm Death Cross – Tín hiệu tiêu cực



S&P 500 sẽ có MaxDowns như thế nào trong năm ?

S&P 500 Index: Max Intra-Year Drawdowns vs. End of Year Total Returns (1928 - 2025)											
Year	DD	TR	Year	DD	TR	Year	DD	TR	Year	DD	TR
1928	-10.3%	43.8%	1948	-13.5%	5.7%	1968	-9.3%	10.8%	1988	-7.6%	16.6%
1929	-44.6%	-8.3%	1949	-13.2%	18.3%	1969	-16.0%	-8.2%	1989	-7.6%	31.7%
1930	-44.3%	-25.1%	1950	-14.0%	30.8%	1970	-25.9%	3.6%	1990	-19.9%	-3.1%
1931	-57.5%	-43.8%	1951	-8.1%	23.7%	1971	-13.9%	14.2%	1991	-5.7%	30.5%
1932	-51.0%	-8.6%	1952	-6.8%	18.2%	1972	-5.1%	18.8%	1992	-6.2%	7.6%
1933	-29.4%	50.0%	1953	-14.8%	-1.2%	1973	-23.4%	-14.3%	1993	-5.0%	10.1%
1934	-29.3%	-1.2%	1954	-4.4%	52.6%	1974	-37.6%	-25.9%	1994	-8.9%	1.3%
1935	-15.9%	46.7%	1955	-10.6%	32.6%	1975	-14.1%	37.0%	1995	-2.5%	37.6%
1936	-12.8%	31.9%	1956	-10.8%	7.4%	1976	-8.4%	23.8%	1996	-7.6%	23.0%
1937	-45.5%	-35.3%	1957	-20.7%	-10.5%	1977	-15.6%	-7.0%	1997	-10.8%	33.4%
1938	-28.9%	29.3%	1958	-4.4%	43.7%	1978	-13.6%	6.5%	1998	-19.3%	28.6%
1939	-21.2%	-1.1%	1959	-9.2%	12.1%	1979	-10.2%	18.5%	1999	-12.1%	21.0%
1940	-29.6%	-10.7%	1960	-13.4%	0.3%	1980	-17.1%	31.7%	2000	-17.2%	-9.1%
1941	-22.9%	-12.8%	1961	-4.4%	26.6%	1981	-18.4%	-4.7%	2001	-29.7%	-11.9%
1942	-17.8%	19.2%	1962	-26.9%	-20.4%	1982	-16.6%	20.4%	2002	-33.8%	-22.1%
1943	-13.1%	25.1%	1963	-6.5%	22.6%	1983	-6.9%	22.3%	2003	-14.1%	28.7%
1944	-6.9%	19.0%	1964	-3.5%	16.4%	1984	-12.7%	6.1%	2004	-8.2%	10.9%
1945	-6.9%	35.8%	1965	-9.6%	12.4%	1985	-7.7%	31.2%	2005	-7.2%	4.9%
1946	-26.6%	-8.4%	1966	-22.2%	-10.0%	1986	-9.4%	18.5%	2006	-7.7%	15.8%
1947	-14.7%	5.2%	1967	-6.6%	23.8%	1987	-33.5%	5.8%	2007	-10.1%	5.5%
									2008	-48.8%	-37.0%
									2009	-27.6%	26.5%
									2010	-16.0%	15.1%
									2011	-19.4%	2.1%
									2012	-9.9%	16.0%
									2013	-5.8%	32.4%
									2014	-7.4%	13.7%
									2015	-12.4%	1.4%
									2016	-10.5%	12.0%
									2017	-2.8%	21.8%
									2018	-19.8%	-4.4%
									2019	-6.8%	31.5%
									2020	-33.9%	18.4%
									2021	-5.2%	28.7%
									2022	-25.4%	-18.1%
									2023	-10.3%	26.3%
									2024	-8.5%	25.0%
									2025 YTD	-8.6%	?

Kết luận: Dự báo các chỉ số chính sẽ giảm điểm vào phiên giao dịch tới nay.

(*)**Bản quyền:** Bản tin này được bảo vệ bản quyền Công ty Cổ phần Chứng Khoán Smart Invest bởi luật pháp Việt Nam và các luật lệ, công ước khác. Mọi hình thức sao chép, tái bản, sử dụng trên các phương tiện truyền thông đối với Bản tin này cần được sự đồng thuận của Công ty cổ phần chứng khoán Smart Invest

Tuyên bố miễn trách nhiệm: Những dữ liệu trong Bản tin này được dựa trên và dẫn xuất từ những nguồn thông tin đại chúng và được cho là đáng tin cậy; tuy nhiên chúng tôi không bảo đảm và cam kết về tính chính xác và thích hợp của các thông tin đó đối với mọi đối tượng người dùng Dữ liệu trong Bản tin có thể thay đổi mà không cần báo trước Bản tin được viết cho mục đích cung cấp thông tin, không bao gồm bất cứ một khuyến nghị mua bán nào hướng tới mọi loại công cụ tài chính và cam kết trong bất kỳ chiến lược giao dịch nào Công ty cổ phần chứng khoán Smart Invest miễn trách đối với mọi hình thức hiểu và sử dụng Bản tin.



CTCP CHỨNG KHOÁN SMART INVEST (AAS)

 <https://www.aas.com.vn>

 Tổng đài: 1900 1811

 trungtamcskh@aas.com.vn

Mở tài khoản ngay

